

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH NÂNG CAO

Cấu Trúc Adjective + Noun + To Infinitive (Mở Rộng & Luyện Thi)

CEFR Level: B1 - C2 | Relative Clause Reduction & Academic Style

"Rút gọn mệnh đề, câu văn súc tích,
Học chăm, luyện chữ vững bước tương lai!"

1. Định Nghĩa & Công Thức Cốt Lõi

Cấu trúc này dùng để rút gọn mệnh đề quan hệ thành một cụm danh từ có tính từ bổ nghĩa đứng trước và cấu trúc **to-infinitive** đứng sau [cite: 37]. Cách viết này giúp câu văn trở nên mạnh mẽ, súc tích và mang đậm phong cách học thuật (Professional Style) [cite: 37].

- 1. Cấu trúc đầy đủ (Mệnh đề quan hệ):** **S + V + Noun + who/which/that + be + Adj + to-infinitive** (Ví dụ: *He's a man who's hard to convince.*) [cite: 37]
- 2. Cấu trúc rút gọn chuyên nghiệp:** **S + V + (a/an) + Adj + Noun + to-infinitive** (Ví dụ: *He's a hard man to convince.*) [cite: 37]
- Mẹo làm bài:** Chú ý chia mạo từ **a/an** phù hợp với phát âm của tính từ mới đứng trước danh từ (Ví dụ: *a task* nhưng *a difficult task*) [cite: 37].

2. Hệ Thống Ví Dụ Minh Họa Mở Rộng (15+ Tình Huống Viết Lại Câu & Chuyên Ngữ)

Dưới đây là hệ thống ví dụ phong phú kèm theo từ loại (Word Family), bản dịch tiếng Việt theo nguyên tắc "Dịch là Diệt (*To translate is the same to kill*)" và giải thích chi tiết giúp học sinh luyện thi nâng cao:

Mệnh đề quan hệ (Full Clause)	Cấu trúc rút gọn (Adj + Noun + To-inf)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
This is a task which is difficult to master [cite: 37].	This is a difficult task to master [cite: 37].	Task (n), Mastery (n) (Word Family: <i>task, difficulty, master</i>)	Bản dịch: Đây là một nhiệm vụ khó để làm chủ [cite: 37]. Giải thích: Rút gọn mệnh đề quan hệ chỉ độ khó.
She is a leader who is easy to work with [cite: 37].	She is an easy leader to work with [cite: 37].	Lead (v), Leader (n) (Word Family: <i>lead, leader, leadership</i>)	Bản dịch: Cô ấy là một nhà lãnh đạo dễ làm việc cùng [cite: 37]. Giải thích: Giữ lại giới từ "with" ở cuối cụm từ [cite: 37].
It was a problem that was impossible to solve [cite: 37].	It was an impossible problem to solve [cite: 37].	Solve (v), Solution (n) (Word Family: <i>solve, solution, impossible</i>)	Bản dịch: Đó là một vấn đề bất khả thi để giải quyết [cite: 37]. Giải thích: Đổi "an" vì tính từ bắt đầu bằng nguyên âm "impossible".
He is a witness who is dangerous to cross [cite: 37].	He is a dangerous witness to cross [cite: 37].	Danger (n), Witness (n) (Word Family: <i>danger, dangerous, witness</i>)	Bản dịch: Anh ta là một nhân chứng nguy hiểm để đối đầu [cite: 37]. Giải thích: Rút gọn tính chất cảnh báo.

Mệnh đề quan hệ (Full Clause)	Cấu trúc rút gọn (Adj + Noun + To-inf)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
This is a question which is hard to answer.	This is a hard question to answer .	Answer (v, n) (Word Family: <i>question, hard, answer</i>)	Bản dịch: Đây là một câu hỏi khó để trả lời. <i>Giải thích:</i> Chuyển đổi tính từ "hard" lên trước danh từ "question".
She found a book that was interesting to read.	She found an interesting book to read .	Interest (n, v) (Word Family: <i>interest, interesting, read</i>)	Bản dịch: Cô ấy đã tìm thấy một cuốn sách thú vị để đọc. <i>Giải thích:</i> Dùng mạo từ "an" trước tính từ "interesting".
He is a person who is pleasant to talk to.	He is a pleasant person to talk to .	Please (v), Pleasure (n) (Word Family: <i>please, pleasant, pleasure</i>)	Bản dịch: Anh ấy là một người dễ chịu để trò chuyện cùng. <i>Giải thích:</i> Giới từ "to" đứng cuối cụm từ.
It's a house that is safe to live in.	It's a safe house to live in .	Safety (n), House (n) (Word Family: <i>safe, safety, house, live</i>)	Bản dịch: Đó là một ngôi nhà an toàn để sinh sống. <i>Giải thích:</i> Giữ nguyên giới từ "in" ở cuối cấu trúc.
This is a language which is simple to learn.	This is a simple language to learn .	Language (n), Learn (v) (Word Family: <i>language, simple, learn</i>)	Bản dịch: Đây là một ngôn ngữ đơn giản để học. <i>Giải thích:</i> Cấu trúc rút gọn gọn gàng, súc tích.
He is a boss who is tough to please.	He is a tough boss to please .	Boss (n), Please (v) (Word Family: <i>boss, tough, please</i>)	Bản dịch: Anh ấy là một sếp khó tính để làm hài lòng. <i>Giải thích:</i> Nhấn mạnh tính chất khắt khe của đối tượng.
This is a computer that is fast to operate.	This is a fast computer to operate .	Computer (n), Operate (v) (Word Family: <i>computer, fast, operation</i>)	Bản dịch: Đây là một chiếc máy tính nhanh để vận hành. <i>Giải thích:</i> Rút gọn mô tả kỹ thuật.
She is a friend who is nice to rely on.	She is a nice friend to rely on .	Friend (n), Reliance (n) (Word Family: <i>friend, nice, rely</i>)	Bản dịch: Cô ấy là một người bạn tốt để tin cậy. <i>Giải thích:</i> Giới từ "on" được giữ nguyên ở cuối.
It is a rule that is important to follow.	It is an important rule to follow .	Rule (n), Importance (n) (Word Family: <i>rule, important, follow</i>)	Bản dịch: Đó là một quy tắc quan trọng để tuân theo. <i>Giải thích:</i> Sử dụng "an" trước tính từ bắt đầu bằng nguyên âm "i".
This is a place which is lovely to visit.	This is a lovely place to visit .	Place (n), Visit (v) (Word Family: <i>place, lovely, visit</i>)	Bản dịch: Đây là một địa điểm đáng yêu để ghé thăm. <i>Giải thích:</i> Mô tả du lịch và đời sống sinh động.
	He is a fair manager to deal with .		Bản dịch: Anh ấy là một nhà quản lý công bằng để giao dịch

Mệnh đề quan hệ (Full Clause)	Cấu trúc rút gọn (Adj + Noun + To-inf)	Word Family	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
He is a manager who is fair to deal with.		Manage (v), Fairness (n) (Word Family: <i>manage</i> , <i>fair</i> , <i>deal</i>)	cùng. Giải thích: Giữ giới từ "with" ở cuối cụm từ rút gọn.

3. Lưu Ý Chuyên Môn & Mẹo Vật Làm Bài

- **Vị trí của giới từ:** Nếu động từ nguyên mẫu đi kèm giới từ (như *talk to*, *work with*, *look at*, *rely on*), giới từ đó **luôn phải được giữ lại ở cuối cụm từ** [cite: 37].
- **Sự thay đổi mạo từ:** Khi rút gọn, danh từ gốc có thể đi với mạo từ khác nếu tính từ chen vào bắt đầu bằng nguyên âm (Ví dụ: *a task* \$ \rightarrow \$ *a difficult task*; nhưng *a problem* \$ \rightarrow \$ *an impossible problem*) [cite: 37].
- **Ứng dụng:** Cấu trúc này giúp học sinh "ăn điểm" tuyệt đối trong các bài thi học sinh giỏi, viết lại câu chuyên sâu hoặc viết tiêu đề báo chí, báo cáo cô đọng [cite: 37].

4. Lời Khuyên Dành Cho Học Sinh Luyện Thi

Thành thạo cấu trúc rút gọn mệnh đề quan hệ thành **Adj + Noun + To-inf** sẽ giúp các em tự tin chinh phục các câu hỏi biến đổi câu nâng cao trong kỳ thi tuyển sinh chuyên Anh, tốt nghiệp THPT và các kỳ thi học thuật quốc tế [cite: 37].

Chương trình tiếng Anh tương tác **"From ZERO to MASTER"** chạy trên các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera) [cite: 37].

Mọi thắc mắc xin liên hệ: **Mr. Lê Đại Phong** |  Phone & Zalo: **0971386608** |  Email: **typhoon620@gmail.com** [cite: 37]

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại: www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE** ➡ [cite: 37]